|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:20/8/2023 | Tiết theo PPCT | Ngày dạy  | Lớp | Tiết | Ghi chú |
| 5 | 13/9/2023 | 6A | 3 |  |
|  14/9/2023 | 6B | 2 |  |
| 6 |  18/9/2023 | 6A | 2 |  |
|  18 /9/2023 | 6B | 2 |  |

 **TUẦN 2**

**TÊN BÀI DẠY: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ TỰ NHIÊN**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Toán; lớp: 6

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức: Trong bài học này, HS được học về:** cách thực hiện phép cộng, phép trừ các số tự nhiên và cách sử dụng tính chất giao hoán, kết hợp khi thực hiện các bài tính nhanh, tính hợp lý.

**2. Về năng lực:**

- Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ trong tập hợp số tự nhiên.

- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp để tính toán, tính nhanh, tính nhẩm một cách hợp lí.

1. **Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,Bảng tính chát của phép cộng để trống cột kí hiệu; Bản đồ mô tả hành trình đi tù Hà Nội đến TP Hồ Chí Minh.

**2. Học sinh:** SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập, bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS nhận thức được nhu cầu sử dụng các phép tính cộng, trừ trong tình huống thực tế

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu:

1. Đọc bài toán mở đầu “ *Quãng đường từ Hà Nội đến Huế dài khoảng 658km. Quãng đường từ Huế đến TP.HCM dài hơn quãng đường từ Hà Nội đến Huế khoảng 394km. Hỏi quãng đường từ Hà Nội đến TP. Hồ Chí Minh dài khoảng bao nhiêu ki lô mét?*”

2. Hoạt động nhóm bàn trả lời các câu hỏi:

- Làm thế nào để tính chiều dài quãng đường từ Huế đến TP. Hồ Chí Minh?

- Làm thế nào để tính chiều dài quãng đường từ Hà Nội đến TP. Hồ Chí Minh?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kết quả bài làm được viết vào vở

+ Chiều dài quãng đường từ Huế đến TP. Hồ Chí Minh là:



+ Chiều dài quãng đường từ Hà Nội đến TP. Hồ Chí Minh là:



**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập** cho HS như mục **Nội dung.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS hoạt động nhóm bàn thảo luận, trao đổi.

- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV mời đại diện 2 nhóm lên bảng tình bày kết quả thảo luận của nhóm.

- HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

- GV đặt vấn đề vào bài: *Như vậy, để giải được bài toán trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép cộng, phép trừ, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay?” =>* ***Bài 3: Phép cộng, phép trừ các số tự nhiên.***

1. **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30 phút)**

**Hoạt động 2.1: Phép cộng**

**a) Mục tiêu:** - HS nhớ, nhận biết lại khái niệm số hạng; vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp để thực hiện phép tính một cách hợp lý.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

1. Học sinh được yêu cầu đọc SGK phần 1), phát biểu được tính chất phép cộng các số tự nhiên, viết được tính chất dưới dạng tổng quát.

2. Làm các bài tập: Ví dụ 1, làm bài tập giáo viên giao, Luyện tập 1, bài 1a,b (SGK trang 15,16).

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS được ghi vào vở

**1. Phép cộng**



Số hạng Số hạng Tổng

**\* Các tính chất của phép cộng**

*+ Tính chất giao hoán:* Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.



*+ Tính chất kết hợp*: Muốn cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.



+ *Tính chất cộng với số 0*: Bất kì số nào cộng với số 0 cũng bằng chính nó.



**\*Ví dụ**

**

* (giao hoán)*

* (kết hợp)*

**

**

* (kết hợp)*

**

**\* Luyện tập 1**

Số tiền mẹ An đã mua đồng phục cho An là:







 (đồng)

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như nêu ở mục **Nội dung**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS được yêu cầu thực hiện các bài tập, nhiệm vụ sau:

1. HS đọc SGK, phát biểu về khái niệm cộng hai số tự nhiên.
2. HS hoạt động 4 nhóm (2 nhóm chung 1 nhiệm vụ) thực hiện các nhiệm vụ rồi viết vào bảng nhóm

**Nhiệm vụ 1:** Cho a = 35 và b = 41

a) Tính a + b và b + a

b) So sánh kết quả nhận được ở câu a)

**Nhiệm vụ 2**: Cho a = 15, b = 27, c = 31

a) Tính (a + b) + c và a + (b + c)

b) So sánh kết quả nhận được ở câu a).

3. HS đọc nội dung trong SGK, yêu cầu HS thực hiện ***Hoạt động***:

 *Hãy nêu các tính chất của phép cộng các số tự nhiên.*

4. HS đọc Ví dụ 1 và thực hiện bài tập tương tự:

*Tính một cách hợp lí:*

*a) 58 + 76 + 42*

*b) 66 + 34 + 27*

4. HS trao đổi, thảo luận cặp đôi và hoàn thành ***Luyện tập 1*** vào vở.

**Bước 3:**  **Báo cáo, thảo luận:**

- HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.

- Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Hoạt động nhóm: Các nhóm treo bảng, đại diện các nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác chú ý nghe, nhận xét, bổ sung.

- Cá nhân: giơ tay phát biểu trình bày bảng.

**Bước 4: Kết luận, nhận định: -**

- GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại.

- GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.

**Hoạt động 2.2: Phép trừ**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhớ, nhận biết lại và sử dụng được các thuật ngữ: số bị trừ, số trừ, hiệu.

- HS giải quyết được bài toán liên quan đến phép trừ (HS luyện tập, vận dụng quy tắc chuyển đổi từ phép cộng sang phép trừ.)

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu thực hiện các yêu cầu sau:

1. Đọc SGK và nhớ lại kiến thức đã học ở tiểu học về phép trừ và các thành phần trong phép trừ.

2. Đọc ví dụ 2 /SGK-16.

3. Ghi nhớ các lưu ý sau đó áp dụng làm ***Luyện tập 2***/SGK-16.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**II. Phép trừ**

- Phép trừ một số tự nhiên cho một số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng nó:



**ĐK: a** $\geq $ **b**

***\* Lưu ý:***

* Nếu a – b = c thì a = b + c
* Nếu a + b = c thì a = c – b và b = c – a.

***Luyện tập 2:***

124 + (118 - x) = 217

           118 - x = 217 - 124

           118 - x = 93

                    x  = 118 - 93

                    x  = 25

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV** yêu cầu **HS** thực hiện **nhiệm vụ** như đã nêu ở mục **Nội dung.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ:

- HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.

- GV: quan sát và trợ giúp HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày

- Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở.

1. **Hoạt động 3: Luyện tập (50 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng, các tính chất của phép trừ để tính nhẩm, tính hợp lí; thực hiện đúng thứ tự phép tính; giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu làm các câu hỏi, bài tập từ 1, 2, 3, 4, 5, 6 /SGK- 16,17 theo các dạng bài GV phân loại.

1. HS thực hiện hoạt động cá nhân bài 1,2,3.

2. HS hoạt động cặp đôi các bài 6,7.

3. HS hoạt động trò chơi “Giải cứu đại dương” với bài 8.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở:

**Dạng 1: Tính**

**Bài 1 :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a) 127 + 39 + 73= ( 127 + 73) + 39= 200 + 39= 239 | b) 135 + 360 + 65 + 40=(135+35)+(360+40)= 170 + 400= 570 | c) 417 – 17 - 299= (417 – 17) – 299= 101 | d) 981 – 781 + 29= ( 981-781) + 29= 200 + 29= 229 |

**Bài 2:**

a) 79 + 65 = (44 + 35) + 65 = 44 + (35 + 65) = 44 + 100 = 144

b) 996 + 45 = 996 + (4 + 41) = (996 + 4) + 41 = 1000 + 41 = 1041

c) 37 + 198 = (35 + 2) + 198 = 35 + (2 + 198) = 35 +  200 = 235

d) 3 492 + 319 = 3 492 + (8 + 311) = (3 492 + 8) + 311 = 3 500 + 311 = 3 811

**Bài 3 :**

a) 321 - 96 = (321 + 4) - (96 + 4) = 325 - 100 = 225

b) 1 454 - 997 = (1 454 + 3) - (997 + 3) = 1 457 - 1000 = 457

c) 561 - 195 = (561 + 5) - (195 + 5) = 566 - 200 = 366

d) 2 572 - 994 = (2 572 + 6) - (994 + 6) = 2 578 - 1000 = 1 578

**Dạng 2 : Bài toán thực tế**

**Bài 4 / SGK - 17**

a) Quãng đường tàu đi từ ga Gia Lâm đến ga Hải Dương là:

 (km)

Quãng đường tàu đi từ ga Hà Nội đến ga Hải Phòng là:

 (km)

b) Thời gian tàu đi từ ga Hà Nội đến ga Hải Dương là:

7 giờ 15 phút – 6 giờ 00 phút = 1 giờ 15 phút

Thời gian tàu đi từ ga Hà Nội đến ga Hải Phòng là:

8 giờ 25 phút – 6 giờ 00 phút = 2 giờ 25 phút

c) Tàu dừng ở ga Hải Dương là 5 phút và ga Phú Thái là 2 phút.

d) Thời gian tàu đi từ ga Gia Lâm đến ga Hải Phòng là:

8 giờ 25 phút – 6 giờ 16 phút = 2 giờ 9 phút

Tàu đều dừng 2 phút ở ga Cẩm Giàng, ga Phú Thái và ga Thượng Lý.

Tàu dừng 5 phút ở ga Hải Dương.

Vậy thời gian thực tàu chạy trên quãng đường từ ga Gia Lâm đến ga Hải Phòng là:

2 giờ 9 phút – (2 phút x 3) – 5 phút

= 1 giờ 58 phút

**Bài tập 5/ SGK - 17**

**a)** Lượng nước mà cơ thể một người trưởng thành mất đi trong một ngày là:

 (ml nước)

**b)** Lượng nước một người thành cần phải uống thêm để cân bằng lượng nước đã mất trong ngày là:

 (ml nước)

**Dạng 3: Sử dụng máy tính cầm tay**

**Bài tập 6 SGK trang 17**

Sử dụng máy tính cầm tay để tính:

a) 

b) 

c) 

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tương tác qua các trò chơi, hệ thống câu hỏi, bài tập (từng câu) và làm vào vở.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, hoạt động cá nhân thực hiện các yêu cầu của GV và làm bài vào vở.

- GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.

**Bước 3: GV chữa bài tập, thảo luận và kết luận**

1. GV yêu cầu HS tính toán làm bài tập 1c,d và bổ sung 1 câu tính thông qua trò chơi “Ong nhỏ và mật hoa”. GV yêu cầu lần lượt làm bài tập 2b,c,d; 3b,c,d

- Cả lớp cùng thực hiện tính toán, quan sát và nhận xét.

2. GV yêu cầu HS làm bài tập 4 sgk/17 qua trò chơi ”Thử tài hiểu biết”.

3. GV yêu cầu HS làm bài tập 5 sgk/17 hoạt động nhóm trong 5 phút, 2 bàn một nhóm. Sau đó báo cáo kết quả, các nhóm phản biện. GV nhận xét, chốt lại kiến thức

4. GV yêu cầu 3 học sinh lên bảng ghi kết quả của bài tập 6. Cả lớp quan sát và nhận xét. GV đưa đáp án, chốt kiến thức.

1. **Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút giao nhiệm vụ; làm ở nhà)**
2. **Mục tiêu:** HS vận dụng được kiến thức về phép cộng, phép trừ số tự nhiên để làm các bài toán thực tế.
3. **Nội dung:** 1. HS làm bài tập tình huống sau: Mẹ cho Minh đồng ra quán mua đồ. Minh đã mua một hộp sữa với giá  đồng, một gói bim bim nhỏ với giá  đồng và mua một que kem  đồng. Hỏi Minh còn bao nhiêu tiền đưa về trả mẹ?

2.Xây dựng một bài toán chi tiêu hợp lý tiền tiêu vặt của bản thân .

1. **Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.
2. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** **GV giao nhiệm vụ** cho HS như mục **Nội dung** và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện ở nhà

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV chọn một số HS trả lời tại chỗ trong đầu buổi học tới, nhận xét, đánh giá chung bài của các HS nộp bài để các HS khác tự xem lại bài làm của mình.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp từ một số bài làm của HS và nhận xét, đánh giá chung để các HS khác tự xem lại bài làm của mình. Có thể cho điểm đánh giá quá trình báo cáo bài của HS, tuyên dương các cá nhân có cách xây dựng chi tiêu hợp lý.

**Hướng dẫn tự học ở nhà:**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Làm các bài tập 15,16,19/ SBT-10,11.

- Chuẩn bị bài mới “ **Phép nhân, phép chia các số tự nhiên**”.